

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/02/2024

V/v “Ly hôn giữa bà V với ông C”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Võ Thị V**, sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Số A, ấp M, xã P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

2. *Bị đơn:* **Ông Đoàn Anh C**, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Số D, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Bà V và ông C có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị V trình bày:

Bà và ông C sống chung năm 2016, đến năm 2020 tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre vào ngày 24/01/2022 do tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc Khoảng năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không còn nói chuyện được với nhau về các vấn đề trong cuộc sống, mâu thuẫn trong cách chăm sóc con, vợ chồng có cách ứng xử không phù hợp với nhau. Bà và ông C đã ly thân với nhau khoảng 06 tháng nay. Nay tình cảm giữa bà và ông C không còn nên bà xin ly hôn với ông C

Về con chung: có 01 con chung tên Đoàn Võ H sinh ngày 12/6/2020. Sau khi ly hôn ông C nuôi con chung, bà cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Bà V hiện đang làm nhân viên quán cà phê thu nhập mỗi tháng 5.000.000đồng. Chi phí cho cháu H trong thời gian sống chung với bà khoản 4.500.000đồng/tháng gồm tiền học 1.500.000đồng, tiền ăn 2.000.000đồng, chi phí khác 1.000.000đồng

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Đoàn Anh C trình bày:

Ông và bà V sống chung từ năm 2015, đám cưới năm 2020 và đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B do tự nguyện. Năm 2020, vì lý do đang đi công tác ông không nghe điện thoại của Thanh được, đồng thời, lúc này bà V đang mang thai nhưng do tình hình dịch bệnh ông không về chăm sóc bà V được nên bà V mới cho rằng ông không quan tâm đến vợ con. Do tính chất công việc ông phải đi làm xa, nhưng ông vẫn quan tâm, chăm sóc vợ con, luôn ủng hộ bà V trong việc khởi nghiệp, làm ăn của bà V. Tuy nhiên, bà V chỉ làm việc nhiệt tình thời gian đầu rồi nghe bạn bè rủ rê chơi game, đề quán lại cho cha mẹ bà V buôn bán. Ông và bà V có mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con do ông muốn áp dụng khoa học để nuôi dạy con còn bà V thì chăm sóc con theo cảm tính, vợ chồng có to tiếng với nhau nhưng sau đó vợ chồng đã làm hòa và sống với nhau vui vẻ trở lại. Thời gian gần đây vợ chồng không có mâu thuẫn gì, ông chỉ yêu cầu bà V hạn chế chơi game, tụ tập bạn bè và minh bạch các mối quan hệ đang có. Ông có nhờ cha mẹ bà V khuyên nhủ bà V hạn chế chơi game lại để lo cho con. Tuy nhiên bà V vẫn không thay đổi. Do bà V bỏ nhà ra đi, không phải ông đồng ý ly thân với bà V. Tại phiên hòa giải ngày 22/01/2024, ông C đồng ý ly hôn với bà V. Tại phiên tòa, ông C thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn với bà V vì thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn, muốn vợ chồng hàn gắn để lo cho con, ông sẵn sàng nhường nhịn bà V, ông cũng đã chuyển công tác về Bến Tre để có điều kiện chăm sóc vợ con nhiều hơn.

Về con chung: có Đoàn Võ H sinh ngày 12/6/2020. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà V ly hôn ông đồng ý nuôi con chung và yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng. Thu nhập bình quân của ông hiện nay khoảng 35.000.000đồng/tháng. Chi phí hàng tháng cho cháu H khoảng 7.000.000đồng gồm các khoản tiền học 2.200.000đồng, tiền sữa 1.600.000đồng, tiền ăn 2.000.000đồng, tiền quần áo, đồ chơi từ 1.000.000đồng đến 1.500.000đồng, tiền dự phòng thuốc men 1.000.000đồng, chi phí giải trí khoảng 500.000đồng.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét

xử căn cứ các Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Võ Thị V và ông Đoàn Anh C.

- Về con chung: giao con chung là cháu Đoàn Võ H sinh ngày 12/6/2020 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, bà V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: bà V và ông C cùng khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Đoàn Anh C. Hiện nay, ông C cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà V và ông C tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố B cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/01/2022 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng: bà V và ông C không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nhưng mâu thuẫn thực tế là có xảy ra. Ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ từ năm 2020 và đến tháng 07/2023 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn. Bà V và ông C đã sống riêng với nhau từ tháng 7/2023 cho đến nay. Đây là thời gian đủ dài để vợ chồng nhìn nhận, tìm ra nguyên nhân mâu thuẫn và cùng khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà V và ông C vẫn không hàn gắn được. Tại phiên tòa, bà V xác định không còn tình cảm với ông C. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V.

[3] Về con chung: bà V và ông C có 01 con chung là cháu Đoàn Võ H sinh ngày 12/6/2020. Bà V yêu cầu sau khi ly hôn giao con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, ông C đồng ý nuôi cháu Đoàn Võ H sinh ngày 12/6/2020 nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Đoàn Võ H sinh ngày 12/6/2020 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: ông C yêu cầu bà Võ Thị V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, bà V không đồng ý với mức cấp dưỡng của ông C. Căn cứ Giấy xác nhận thu nhập ngày 31/01/2024 của ông Lê Văn L, mức thu nhập của bà V là 5.000.000đồng/tháng. Căn cứ theo Điều 82, Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình 2014 bà V phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung chưa thành niên là cháu H. Về mức cấp dưỡng, căn cứ theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình 2014, sau khi xem xét thu nhập thực tế của bà V và nhu cầu bình quân hàng tháng của cháu H, Hội đồng xét xử xét thấy buộc bà V phải cấp dưỡng nuôi cháu

Phương Anh theo mức cấp dưỡng bằng 30% mức thu nhập của bà V mỗi tháng là 1.500.000đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: bà V và ông C cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng, án phí cấp dưỡng 300.000đồng bà V phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Võ Thị V và ông Đoàn Anh C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đoàn Võ H sinh ngày 12/6/2020 cho ông Đoàn Anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Võ Thị V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Võ H mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà V và ông C cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, án phí cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007350 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Bà V còn phải nộp tiếp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND Phường T.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương